

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **40/2020/HS-ST**

Ngày 28/5/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Mạnh Hùng và Nguyễn Thị Hiên

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2020/TLST- HS ngày 29 tháng 4 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST- HS ngày 14/5/2020 đối với bị cáo:

Trịnh Ngọc H, sinh ngày 12/10/1978 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 02, phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1951 và bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1952; Anh chị em ruột: Có ba người, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo không có vợ, con.

Tiền án:

- Bản án số 1145/1995/HSPT ngày 25/8/1995 của Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt Trịnh Ngọc H 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Bản án số 17/1998/HSST ngày 20/4/1998 của Tòa án nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q), xử phạt 04 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Ra trại ngày 25/02/2002);

- Bản án số 1691/2003/HSST ngày 26/11/2003 của Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt Trịnh Ngọc H 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt 14 năm tù;

- Bản án số 22/2004/HSST ngày 08/6/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q), xử phạt 30 tháng tù về tội Làm nhục người khác (tội trước xử

sau). Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của Bản án phúc thẩm số 1691/2003/HSSPT ngày 26/11/2003 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao là 12 năm 07 tháng 16 ngày. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/3/2018.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ 02, phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 17/12/2019, Trịnh Ngọc H, cư trú tại tổ 02, phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang là người nghiện ma túy điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 22B1 -471.71 (xe mượn của ông Trịnh Xuân H, bố đẻ của H) từ nhà đến phòng trọ của chị Nhữ Thị Thu H, thuộc tổ 17, phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Lúc này tại phòng thuê trọ có H, Trần Thị T, cư trú tại tổ 15, phường X, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Nguyễn Đức T, cư trú tại tổ 05, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Trần Trọng N, cư trú tại tổ 07, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Khi mọi người ra về, thì H hỏi mua của H 01 gói Methamphetamine gói bằng nilon màu trắng, trên mép có viên màu đỏ, bên trong có chứa 06 viên nén hình tròn màu đỏ với số tiền 500.000 đồng. H cất gói Methamphetamine vào trong túi quần bên phải, điều khiển xe mô tô đến khu vực tổ 13, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang thì bị Tổ công tác Công an thành phố Q phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày. Thu giữ 01 gói Methamphetamine bên trong có 06 viên nén màu đỏ.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể bị cáo, kết quả (+) dương tính (bị cáo khai do sử dụng ma túy ngày 17/12/2020).

Tại bản Kết luận giám định số 18/GĐKTHS ngày 20/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: 06 viên nén màu đỏ thu giữ của Trịnh Ngọc H gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, số thứ tự 323 thuộc danh mục IIC, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; khối lượng 0,559g (Không phẩy năm năm chín gam).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSTP ngày 29 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố bị cáo Trịnh Ngọc H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trịnh Ngọc H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1

Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 09 tháng tù. Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; xử lý vật chứng; tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục nhận tội, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Ngọc H tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ; kết luận giám định và cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 16 giờ 30 ngày 17/12/2019, tại tổ 13, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. Trịnh Ngọc H, cư trú tại tổ 02, phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,559g (Không phải năm năm chín gam) Methamamine, mục đích để sử dụng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” tại bản án Bản án số 22/2004/HSST ngày 08/6/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q) và Bản án phúc thẩm số 1691/2003/HSSPT ngày 26/11/2003 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối

cao, chưa được xóa án tích. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định, cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm và bài trừ tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Q. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo; khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q.

[6] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo, ngày 17/12/2020 Công an thành phố Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 15/01/2020.

[7] Về vật chứng:

- Đối với số Methamphetamine còn lại (sau khi giám định) đã thu giữ của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng vụ án, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150, BKS: 22B1 – 4771 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trịnh Xuân H, ông Trịnh Xuân H không có yêu cầu gì về xe nên HĐXX không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (17/12/2019).

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong trên các mép dán có chữ ký của bị cáo Trịnh Ngọc H, có 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có 0,446 g Mathametamine (số ma túy còn lại sau khi lấy mẫu giám định).

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Q và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ngày 18/05./2020.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 28/5/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Công an tp Tuyên Quang;
- Chi cục THDS tp Tuyên Quang;
- UBND phường H;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Hùng – Nguyễn Thị Hiên

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền - Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan

